



**景文科技大學112學年度國際專修部春季班錄取名單**  
**Danh sách trúng tuyển Hệ Dự bị đại học (1+4) kỳ mùa Xuân năm học 112**

序號	中文姓名	英文姓名	正取生錄取系/科別
1	武○明	VO * MINH	旅遊管理系
2	陳○○英	TRAN THI * ANH	行銷與流通管理系
3	範○○春	PHAM THI * XUAN	旅遊管理系
4	阮○丹	NGUYEN * DAN	旅遊管理系
5	梁○○顏	LUONG THI * NHAN	旅館管理系
6	杜○琰	DO * DIEM	旅遊管理系
7	潘○玲	PHAN * LINH	行銷與流通管理系
8	阮○○香	NGUYEN DANG * HUONG	行銷與流通管理系
9	韋○○媚	VI HA * MY	旅館管理系
10	陳○達	TRAN * DAT	旅遊管理系
11	阮○哲	NGUYEN * TRIET	行銷與流通管理系
12	陶○玲	DAO * LINH	行銷與流通管理系
13	范○○媚	PHAM THI * MY	餐飲管理系
14	黃○安	HUYNH * AN	旅遊管理系
15	裴○○玲	BUI THI * LINH	餐飲管理系
16	裴○可	BUI * KHA	行銷與流通管理系
17	武○○鴛	VO THI * UYEN	旅館管理系
18	陳○成	TRAN * THANH	行銷與流通管理系
19	阮○○鴛	NGUYEN THI * UYEN	旅館管理系
20	阮○仁	NGUYEN * NHAN	餐飲管理系
21	胡○梅	HO * MAI	旅館管理系
22	阮○○妝	NGUYEN THI * TRANG	行銷與流通管理系
23	阮○○玲	NGUYEN THI * LINH	行銷與流通管理系

24	杜○竹	DO * TRUC	行銷與流通管理系
25	鄭○○安	TRINH NGOC * AN	旅館管理系
26	阮○○莊	NGUYEN QUACH * TRANG	餐飲管理系
27	黃○瓊	HOANG * QUYNH	行銷與流通管理系
28	阮○○鴛	NGUYEN * TO UYEN	行銷與流通管理系
29	阮○○陽	NGUYEN THI * DUONG	餐飲管理系
30	范○○蕙	PHAM THI * HUE	行銷與流通管理系
31	黎○○軍	LE PHAN * QUAN	旅遊管理系
32	徐○梅	TU * MAI	旅館管理系
33	范○○鴛	PHAM THI * UYEN	旅遊管理系
34	微○姮	VI * HANG	行銷與流通管理系
35	阮○○瓊	NGUYEN THI * QUYNH	旅遊管理系
36	武○林	VU * LAM	旅館管理系